

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày 13 - 7 - 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Anh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc, bà Đỗ Thị Kim Thuý

- Thư ký phiên toà: Bà Đôn Minh Tiến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thom - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày: 10/6/1966 tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn 7, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T, có vợ là Quảng Thị T1 và 02 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án số 34 ngày 14/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt D 01 năm 3 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 2 tháng về tội Gá bạc; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt).

2. Trần Duy H, sinh ngày: 23/02/1981 tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn 7, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị N, có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án số 14 ngày 16/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt H 06 tháng cải tạo không giam giữ về hành vi đánh bạc; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 04/01/2021, Cơ quan Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc nhận được tin báo của quần chúng nhân dân qua điện thoại trực ban của đơn vị, tố giác đối tượng Nguyễn Văn D và Trần Duy H cùng một số đối tượng khác có biểu hiện đánh bạc dưới hình thức đánh lô, đề qua tin nhắn điện thoại. Cơ quan điều tra đã xác minh, làm rõ:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên Nguyễn Văn D nhận ghi lô, đề của Trần Duy H. D đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, lắp sim số thuê bao là 0978.881.186 để nhận tin nhắn đánh số đề, số đề ba càng của H. Còn H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số thuê bao là 0974.259.180, để nhắn tin đánh đề, ba càng gửi cho D. H soạn tin các số đề, ba càng cần đánh kèm theo số tiền đánh bạc gửi đến máy điện thoại của D, nếu D đồng ý sẽ xác nhận lại bằng cách nhắn tin “Ok”. H phải thanh toán cho D số tiền đã nhắn tin đánh đề. H, D thỏa thuận: Nếu H nhắn tin đánh 100.000đ tiền đề thì chỉ phải trả D 74.000đ (Nhưng khi trúng đề thì D phải trả thưởng, thanh toán cho H số tiền thưởng bằng 70 lần); nếu H nhắn tin đánh 100.000đ số ba càng thì H chỉ phải trả D 69.500đ (Nhưng khi trúng ba càng thì D phải trả thưởng, thanh toán cho H bằng 400 lần). Kết quả để tính thắng thua căn cứ vào kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết miền Bắc vào lúc 18h30’ hàng ngày để so sánh tính thắng thua cụ thể các số đề, ba càng đã đánh. Nếu là đề thì so 02 chữ số cuối của giải đặc biệt; nếu là ba càng thì so với 03 chữ số cuối của giải đặc biệt.

Từ ngày 27/6/2020 đến 30/12/2020, Nguyễn Văn D với Trần Duy H đã đánh bạc bằng hình thức đánh đề, ba càng như sau:

- Lúc 16h19’ ngày 27/6/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 00 = 3 triệu; 01, 10 mỗi con 2 triệu; ba càng 000, 100 mỗi con 1 triệu. D nhắn lại “Ok”. Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 27/6/2020 là 9.000.000đ; số tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau) là 6.570.000đ, H đã thanh toán cho D.

- Lúc 18h10’ ngày 14/7/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 11, 01 mỗi số 200.000đ; 10 = 2 triệu, D nhắn lại “Ok”. Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 14/7/2020 là 2.400.000đ; số tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau là 1.776.000đ), H đã thanh toán cho D.

- Lúc 17h44’ ngày 09/12/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 06, 60, 63 mỗi số 500.000đ, D nhắn lại “Ok”. Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 9/12/2020 là 1.500.000đ; số tiền H

phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau là 1.110.000đ), H đã thanh toán cho D.

- Lúc 17h11' ngày 30/12/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 36 = 1 triệu; 37 = 3 triệu; 38, 73, 63 mỗi số 200.000đ, D nhắn tin “Ok”. Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 30/12/2020 là 4.600.000đ; số tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau là 3.404.000đ), H chưa thanh toán cho D.

Kết quả kiểm tra xác định máy điện thoại của Trần Duy H có lưu giữ các tin nhắn đánh đề nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, D khai ngày 27/6/2020 sau khi nhận tin nhắn mua các số đề, ba càng của H, D đã ghi ra giấy rồi một mình đi xe đến đưa giấy chuyển toàn bộ các số đề, ba càng cho Ngô Tuấn A (Thường gọi là Tuấn) – sinh năm 1992, ở thôn 5, xã H, huyện T, Vĩnh Phúc, là cháu gọi D bằng cậu. Sau khi H trả 6.570.000đ cho D, D đã trả cho Tuấn A 6.390.000đ, D ăn chênh lệch 180.000đ. Còn các lần đánh bạc khác vào các ngày 14/7/2020, 09/12/2020, 30/12/2020 do số tiền đánh bạc nhỏ, D không chuyển cho ai. Ngoài những lần đánh bạc với H như nêu trên thì Nguyễn Văn D không nhận số lô đề của ai khác để đánh bạc.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn D, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã làm việc và ghi lời khai của Ngô Tuấn A, nhưng Tuấn A không thừa nhận cầm bảng đề của D, không đánh bạc với ai. Ngày 26/02/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Ngô Tuấn A đối chất với Nguyễn Văn D nhưng Tuấn A vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Do vậy chưa đủ chứng cứ xác định Tuấn A đồng phạm với D về tội Đánh bạc.

Tài liệu, đồ vật, tài sản đã tạm giữ

- Tạm giữ của Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 359752070475291; số IMEI 2: 359753070475299 bên trong lắp 02 thẻ sim.

- Tạm giữ của Trần Duy H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 860202041272379; số IMEI 2: 860202041272361 bên trong lắp 02 thẻ sim.

Kết quả giám định và thu giữ điện tín:

1. Ngày 08/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 17 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1:359752070475291; số IMEI 2:359753070475299 bên trong lắp 02 sim số thuê

bao: Sim 1 là 0978.881.186; sim 2 là 0825.707.427 của Nguyễn Văn D, trích xuất dữ liệu tin nhắn.

Tại bản Kết luận giám định số 186/KLGD ngày 16/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 của Nguyễn Văn D kết luận:

“ - Điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 không trích xuất được dữ liệu tin nhắn do không kết nối được điện thoại với phần mềm và thiết bị sao trích dữ liệu.

- 01 thẻ sim Viettel và 01 thẻ sim Vinaphone kèm theo không có dữ liệu tin nhắn.”

2. Ngày 08/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 187 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 860202041272379; số IMEI 2: 860202041272361, bên trong lắp các sim số thuê bao: Sim 1 là 0368.244.466, sim 2 là 0974.259.180 của Trần Duy H, trích xuất dữ liệu tin nhắn.

Tại bản Kết luận giám định số 187/KLGD ngày 16/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với chiếc điện thoại OPPO của Trần Duy H kết luận:

“ - Có 14 tin nhắn lưu trên điện thoại OPPO gửi giám định có các tin nhắn với số điện thoại 0978.881.186.

- 02 thẻ sim Viettel kèm theo không có dữ liệu tin nhắn.”

Trong đó 14 tin nhắn lưu trên điện thoại OPPO gửi giám định có các tin nhắn với số điện thoại 0978.881.186 có các tin nhắn của H cho D có nội dung đánh đề, ba càng trong các ngày 27/6/2020, 14/7/2020, 09/12/2020 và 30/12/2020 như đã nêu ở phần trên.

3. Ngày 19/02/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 121/CSHS-Đ1 gửi đến Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội VIETTEL về việc đề nghị phối hợp thu thập thông tin chủ thuê bao, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn của 02 số thuê bao là 0978.881.186 và 0974.259.180 trong các ngày 27/6/2020, 14/7/2020, 09/12/2020 và ngày 30/12/2020.

Ngày 01/3/2021, Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội VIETTEL có Công văn số 381/CNVTQĐ-TTKT, xác định:

“ - Số điện thoại 0978.881.186 chủ thuê bao là Nguyễn Văn D - SN: 1966 ở thôn 7, H, T, Vĩnh Phúc.

- Số điện thoại 0974.259.180 chủ thuê bao là Trần Duy H - SN: 1981 ở thôn 7, H, T, Vĩnh Phúc.

- Hệ thống không còn lưu nội dung tin nhắn đi, đến của các số thuê bao nêu trên”.

Về vật chứng đã thu giữ:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng của Trần Duy H.

- Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc gồm:

+ Đối với Nguyễn Văn D tổng số là 9.456.000đ. Trong đó:

Ngày 27/6/2020, H đã trả D số tiền đánh bạc là 6.570.000đ.

Ngày 14/7/2020, H đã trả D số tiền đánh bạc là 1.776.000đ.

Ngày 09/12/2020, H đã trả D số tiền đánh bạc là 1.110.000đ.

+ Đối với Trần Duy H tổng số tiền là 3.404.000đ (Là tiền đánh bạc ngày 30/12/2020, H chưa trả D).

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-P2 ngày 05/4/2021 Viện kiểm sát nhân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm x khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn D 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách gấp đôi, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trần Duy H 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thử thách gấp đôi, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt mỗi bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước

Các bị cáo nói lời sau cùng, rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình nhẹ nhất đối với các bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử một lần nữa có đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên Nguyễn Văn D nhận ghi lô, đề của Trần Duy H. D đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, lắp sim số thuê bao là 0978.881.186 để nhận tin nhắn đánh số đề, số đề ba càng của H. Còn H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số thuê bao là 0974.259.180, để nhắn tin đánh đề, ba càng gửi cho D. Các đối tượng thỏa thuận: Nếu H nhắn tin đánh 100.000đ tiền đề thì chỉ phải trả D 74.000đ (Nhưng khi trúng đề thì D phải trả thưởng, thanh toán cho H số tiền thưởng bằng 70 lần). Nếu H nhắn tin đánh 100.000đ số ba càng thì H chỉ phải trả D 69.500đ (Nhưng khi trúng ba càng thì D phải trả thưởng, thanh toán cho H bằng 400 lần). Kết quả để tính thắng thua căn cứ vào kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết miền Bắc vào lúc 18h30' hàng ngày để so sánh tính thắng thua cụ thể các số đề, ba càng đã đánh. Nếu là đề thì so 02 chữ số cuối của giải đặc biệt; nếu là ba càng thì so với 03 chữ số cuối của giải đặc biệt.

Từ ngày 27/6/2020 đến 30/12/2020, Nguyễn Văn D với Trần Duy H đã đánh bạc bằng hình thức đánh đề, ba càng như sau:

- Lúc 16h19' ngày 27/6/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 00 = 3 triệu; 01, 10 mỗi con 2 triệu; ba càng 000, 100 mỗi con 1 triệu. D nhắn lại "Ok". Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 27/6/2020 là 9.000.000đ; số tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau) là 6.570.000đ, H đã thanh toán cho D.

- Lúc 18h10' ngày 14/7/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 11, 01 mỗi số 200.000đ; 10 = 2 triệu, D nhắn lại "Ok". Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 14/7/2020 là 2.400.000đ; số

tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau là 1.776.000đ, H đã thanh toán cho D.

- Lúc 17h44' ngày 09/12/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 06, 60, 63 mỗi số 500.000đ, D nhắn lại "Ok". Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 9/12/2020 là 1.500.000đ; số tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau là 1.110.000đ), H đã thanh toán cho D.

- Lúc 17h11' ngày 30/12/2020, H sử dụng điện thoại nhắn tin cho D, ghi các số đề 36 = 1 triệu; 37 = 3 triệu; 38, 73, 63 mỗi số 200.000đ, D nhắn tin "Ok". Đối chiếu với kết quả xổ số cùng ngày đều bị trượt, tổng tiền đánh bạc ngày 30/12/2020 là 4.600.000đ; số tiền H phải thanh toán cho D (Do hai bên thỏa thuận với nhau là 3.404.000đ, H chưa thanh toán cho D.

Tổng số tiền các lần D và H đánh bạc với nhau là 17.500.000đ, nhưng chỉ có một lần đủ định lượng là ngày 27/6/2020 (Số tiền D và H đánh bạc 9.000.000đ).

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thông qua kết quả xổ số, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương và quản lý của Nhà nước về kết quả mở thưởng xổ số. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn D giữ vai trò chính, nhận và đánh bạc sát phạt với người chơi bạc dựa trên kết quả xổ số, bị cáo Trần Duy H là đối tượng tham gia tích cực. Xét nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2011 bị cáo D bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 3 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 02 tháng về tội Gá bạc. Năm 2013 bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt H 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc. Nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân, mà tiếp tục phạm tội cùng loại. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo vì: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều có đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo D có bố đẻ là ông Nguyễn Văn C đã hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Mặc dù trước đó các bị cáo đã bị xét xử nhưng tính đến thời điểm phạm tội mới đã được xoá án tích nhiều năm, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc bị xét xử năm 2011 và 2013 không lớn, của H là 2.800.000đ, của D là 4.600.000đ, các bị cáo có nơi cư trú ổn định. Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo như đề xuất của Viện kiểm sát, để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung mỗi bị cáo 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

[6] Về vật chứng của vụ án: Tịch thu của Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7; tịch thu của Trần Duy H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, là phương tiện mà D, H sử dụng vào việc phạm tội, phát mại sung quỹ Nhà nước.

Truy thu số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc: Của Nguyễn Văn D tổng số tiền là 9.456.000đ gồm (Ngày 27/6/2020 là 6.570.000đ; ngày 14/7/2020 là 1.776.000đ; ngày 09/12/2020 là 1.110.000đ). Của Trần Duy H tổng số tiền là 3.404.000đ (Là số tiền đánh bạc ngày 30/12/2020, H chưa trả D).

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn D, Trần Duy H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn D 01 năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trần Duy H 01 năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt mỗi bị cáo 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7; tịch thu của Trần Duy H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, phát mại sung quỹ Nhà nước (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/4/2021).

Truy thu của Nguyễn Văn D 9.456.000đ, truy thu của Trần Duy H 3.404.000đ sung quỹ Nhà nước.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Duy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã H, huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu HS + HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đỗ Anh Cường

